

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 226/2022/DS-PT

Ngày 27 - 9 - 2022

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
quyền sử dụng đất và tranh chấp
quyền sở hữu tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất; tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:2284/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn G, sinh năm 1941.

Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Tô Đình H, sinh năm 1965. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969 và ông Tô Tấn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Bà Nguyễn Thị S đại diện cho ông Tô Tấn T (Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021). Bà Nguyễn Thị S có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1941 (Chết năm 2014).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị H:

+ Ông Tô Văn G, sinh năm 1941 có đại diện theo ủy quyền ông Tô Đình H, có mặt.

+ Ông Tô Văn A, sinh năm 1973; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Tô Đình H, sinh năm 1965. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; có mặt.

+ Ông Tô Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, phía nguyên đơn trình bày: theo Quyết định cấp đất số 11/94/QĐ - UB ngày 29 tháng 12 năm 1994 (BL 04 – 06), ông Tô Văn G được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam giao 0,8ha đất lâm nghiệp tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận: phía Đông giáp ruộng Đội 1, phía Tây giáp vườn Phú Cẩm đất đỏ, phía Nam giáp vườn Lợi Đội 1, Hợp tác xã 1 Q, phía Bắc giáp vườn bà T. Sau khi nhận đất, ông Tô Văn G trồng các loại cây như: bạch đàn, keo, sao đen và tiếp tục chăm sóc các cây có sẵn từ trước. Đến tháng 10 năm 2005, các bị đơn đến chặt phá vườn cây của ông G và cho rằng đất này là của vợ chồng bà S, ông T nên xảy ra tranh chấp.

Nguyên đơn thừa nhận hiện nay trên diện tích đất tranh chấp 4.779m² có các tài sản theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, gồm: 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít, 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen. Trong đó, có 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn và 15 cây sao đen là do ông G trồng, số cây còn lại là do bà Huỳnh Thị Y trồng. Đối với những cây do ông G trồng, ông G đã thuê ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị D và bà Nguyễn Thị Thanh T (*là người ở địa phương*) tham gia phát dọn và trồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m² và đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với những yêu cầu này; tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận các tài sản có trên diện tích đất 4.779m², gồm: 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen do ông G trồng và 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít do bà Huỳnh Thị Y trồng là thuộc quyền sở hữu của ông Tô Văn G.

Trong quá trình tố tụng, phía bị đơn trình bày: năm 1988, bà Huỳnh Thị Y

chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn S (*là anh ruột bà Nguyễn Thị S*) một khu vườn với diện tích 04 sào, tương đương 2.000m². Đến năm 1990, ông S chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên chuyển nhượng lại khu vườn này cho vợ chồng bà S và vợ chồng bà S đã quản lý, sử dụng, trồng thêm một số cây như: keo, sao đen, bạch đàn. Đến tháng 10 năm 2005, ông Tô Văn G lên chặt phá vườn cây nên vợ chồng bà S đã ngăn cản. Bị đơn thừa nhận hiện nay trên diện tích đất tranh chấp 4.779m² có các tài sản theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, gồm: 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít do bà Huỳnh Thị Y trồng để lại và 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen do vợ chồng bà S trồng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m² thì bị đơn đồng ý và đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với những yêu cầu này. Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận các tài sản có trên diện tích đất 4.779m² thì bị đơn không đồng ý. Theo các bị đơn, 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen là do các bị đơn trồng và 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít là do bà Huỳnh Thị Y trồng, tài sản này do các bị đơn mua hợp pháp nên thuộc quyền sở hữu của các bị đơn.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H là ông Tô Đình H, ông Tô Văn A và ông Tô Văn L (*do ông Tô Đình H đại diện theo ủy quyền*) thống nhất như lời khai và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 37, 39, 74, 147, 217, 218, 244 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 163, 164, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Văn G đối với các bị đơn Nguyễn Thị S, Tô Tấn T về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*” đối với diện tích đất 4.779m², tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Quyền khởi kiện lại của nguyên đơn được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Văn G đối với các bị đơn Nguyễn Thị S, Tô Tấn T về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản;

- Công nhận ông Tô Văn G, ông Tô Đình H, ông Tô Văn A, ông Tô Văn L được quyền sở hữu đối với các tài sản sau: 104 cây keo lá tràm (51 cây có đường kính gốc trên 30cm, 48 cây có đường kính gốc từ 15cm đến 30cm, 05 cây có đường kính gốc từ 05cm đến dưới 15cm), 05 cây bạch đàn (02 cây có đường kính gốc trên 30cm, 03 cây có đường kính gốc từ 05cm đến 30cm), 15 cây sao đen (có đường kính gốc trên 11cm) trên diện tích đất 4.779m², tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ diện tích đất kèm theo).

- Giao cho bà Nguyễn Thị S, ông Tô Tấn T quản lý, sở hữu các tài sản đã công nhận quyền sở hữu của các ông Tô Văn G, Tô Đình H, Tô Văn A, Tô Văn L gồm: 104 cây keo lá tràm (51 cây có đường kính gốc trên 30cm, 48 cây có đường kính gốc từ 15cm đến 30cm, 05 cây có đường kính gốc từ 05cm đến dưới 15cm), 05 cây bạch đàn (02 cây có đường kính gốc trên 30cm, 03 cây có đường kính gốc từ 05cm đến 30cm), 15 cây sao đen (có đường kính gốc trên 11cm) trên diện tích đất 4.779m², tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ diện tích đất kèm theo).

- Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Tô Tấn T phải hoàn trả giá trị tài sản cho Tô Văn G, ông Tô Đình H, ông Tô Văn A, ông Tô Văn L số tiền 7.590.000 (bảy triệu, năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Văn G đối với các bị đơn Nguyễn Thị S, Tô Tấn T về việc tranh chấp quyền sở hữu 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (thầu đầu), 02 bụi tre (41 cây), 03 cây mít trên diện tích đất 4.779m², tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ diện tích đất kèm theo).

Ngoài Bản án còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí, quy định về thi hành án.

Ngày 24/6/2022 bị đơn Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Tô Văn Giáp, hủy biên bản giao đất rừng ngày 2/11/1994.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo bà Nguyễn Thị S có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Đình H đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật; bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà S giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S, thấy:

[1] Quyết định cấp đất số 11/94/QĐ - UB ngày 29 tháng 12 năm 1994 (BL 04 – 06), ông Tô Văn G được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam giao 0,8ha đất lâm nghiệp tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận: phía Đông giáp ruộng Đội 1, phía Tây giáp vườn Phú Cẩm đất đỏ, phía Nam giáp vườn Lợi Đội 1, Hợp tác xã 1 Q, phía Bắc giáp vườn bà T. Sau khi nhận đất, ông Tô Văn G trồng các loại cây như: bạch đàn, keo, sao đen và tiếp tục chăm sóc các cây có sẵn từ trước. Đến tháng 10 năm 2005, các bị đơn đến chặt phá vườn cây của ông G và cho rằng đất này là của vợ chồng bà S, ông T nên xảy ra tranh chấp.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m². Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và được sự đồng ý của các đương sự thuộc vụ án Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với nội dung yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Về tranh chấp tài sản trên đất: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn G về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất 4.779m²: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 và sự xác nhận của các bên đương sự tại phiên tòa thì trên diện tích đất 4.779 m² có các tài sản sau: Trên phần diện tích đất 2.389,5m²(*phần A*) có: 176 cây lấy củi, 09 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 56 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn;- Trên phần diện tích đất 2.389,5m²(*phần B*) có: 304 cây lấy củi, 04 cây muồng, 48 cây keo lá tràm, 15 cây sao đen, 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H, bà S thừa nhận các cây hiện có trên diện tích đất 4.779m², gồm: 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít là do bà Huỳnh Thị Y trồng trước đây còn lại, chứ không phải do ông G trồng. Đối với 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen hiện có trên diện tích đất 4.779m², Phía bị đơn cho rằng bị đơn trồng nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, không có người làm chứng nên không có cơ sở để chấp nhận, phía nguyên đơn cho rằng nguyên đơn trồng phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó Tòa án sơ thẩm xác định các tài sản, gồm: 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen hiện có trên diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam là do vợ chồng ông Tô Văn G, bà Huỳnh Thị H trồng nên thuộc quyền sở hữu của ông Tô Văn G và

những người con của bà Huỳnh Thị H (*hàng thừa kế thứ nhất của bà H*), gồm: ông Tô Đình H, ông Tô Văn A và ông Tô Văn L là có căn cứ. Đối với các cây trồng khác nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh của nguyên đơn nên không được chấp nhận.

[4]Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen hiện có trên diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của ông Tô Văn G, ông Tô Đình H, ông Tô Văn A và ông Tô Văn L; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận quyền sở hữu của nguyên đơn đối với 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít hiện có trên diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Để đảm bảo việc khai thác, quản lý hiệu quả toàn bộ cây cối có trên 4.779m² đất, tránh thiệt hại phát sinh cho các cây cối bên cạnh tài sản thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn khi khai thác, cần giao toàn bộ 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen của nguyên đơn hiện có trên 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam cho các bị đơn quản lý, sử dụng, sở hữu, buộc các bị đơn bồi trả cho nguyên đơn số tiền là **7.590.000 đồng** là có căn cứ phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được chứng cứ, tài liệu nào mới; nội dung kháng cáo của bị đơn bà S là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông Tô Văn G đề ngày 2/8/2006 và hủy biên bản giao đất rừng ngày 2/11/1994 nhưng nội dung về tranh chấp quyền sử dụng đất nguyên đơn đã rút yêu cầu, tại phiên tòa sơ thẩm bà S không có ý kiến gì, Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với tranh chấp quyền sử dụng đất chỉ giải quyết tài sản trên đất; đối với tài sản trên đất bị đơn không kháng cáo; do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000, (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000189 ngày 4 tháng 7 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn